

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2025.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 36/2C Đường 76, Tổ 20, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đặng Thị Hữu B, sinh năm 1996;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 36/2C Đường 76, Tổ 20, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Minh T và bà Đặng Thị Hữu B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 206, quyển số 02/2015 ngày 07/10/2015; mâu thuẫn giữa ông T và bà B phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được nên ông T và bà B thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn; xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà B xác nhận có 02 (hai) con chung tên Đỗ Minh Tn, sinh ngày 30/9/2015 và Đỗ Minh Tm, sinh ngày 21/5/2020. Ông T và bà B thống nhất giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà B không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà B xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông T và bà B xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Minh T và bà Đặng Thị Hữu B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Minh Tn, sinh ngày 30/9/2015 và Đỗ Minh Tm, sinh ngày 21/5/2020 cho ông Đỗ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà B không cấp dưỡng nuôi con.

Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Đôi bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Đôi bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) ông Đỗ Minh T và bà Đặng Thị Hữu B mỗi bên phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) ông T và bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0063473 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Châu Thị Thanh Thà